

Số: 01/2013/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 29 tháng 01 năm 2013



Ký bởi: SỞ TƯ PHÁP
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH CAO BẰNG
Thời gian ký: 20/08/2022
20:24:33

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý và bảo vệ các công trình viễn thông
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 2156/TTr-STTTT ngày 26 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Nguyễn Hoàng Anh

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung về việc bảo đảm an toàn các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thiết lập, quản lý các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3. Các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh Quốc gia có danh mục và quy định riêng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công trình viễn thông” là công trình xây dựng, bao gồm hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể...) và thiết bị mạng được lắp đặt vào đó.
2. “Mạng viễn thông” là tập hợp thiết bị viễn thông được liên kết với nhau bằng đường truyền dẫn để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông.
3. “Cơ sở hạ tầng viễn thông” là tập hợp thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, mạng viễn thông và công trình viễn thông.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý và bảo vệ các công trình viễn thông

1. Việc bảo đảm an toàn công trình viễn thông là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân; trường hợp phát hiện các hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan công an nơi gần nhất.
2. Việc đảm bảo an toàn công trình viễn thông không làm cản trở hoạt động của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
3. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông phải được phát hiện kịp thời và tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Xâm phạm, phá hoại công trình viễn thông, cơ sở hạ tầng viễn thông. Lợi dụng mạng viễn thông để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Cản trở bất hợp pháp đến hoạt động việc xây dựng, khai thác công trình viễn thông.

3. Các hành vi trái pháp luật khác liên quan đến việc thiết lập, sử dụng và khai thác đối với công trình viễn thông.

Điều 5. Quy định về nội dung quản lý và bảo vệ công trình viễn thông

1. Bảo vệ công trình viễn thông nhằm ngăn chặn các hoạt động tấn công, trộm cắp, phá hoại công trình viễn thông.

2. Cơ quan, tổ chức vận hành khai thác công trình có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, có phương án xử lý, khắc phục kịp thời khi phát hiện sự cố xảy ra; có biện pháp phòng chống các tác nhân gây hại đến công trình.

3. Các doanh nghiệp viễn thông triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng, phối hợp với cơ quan chức năng đảm bảo an toàn công trình viễn thông, thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn kịp thời không để phát sinh các điểm vi phạm mới.

4. Bảo đảm an toàn công trình khi thi công, chống lấy cắp, tráo đổi chủng loại vật tư thiết bị kỹ thuật; xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch bảo vệ, phòng chống các hành vi xâm hại đến sự an toàn của công trình, đối phó xử lý các tình huống đột xuất.

5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về an toàn công trình viễn thông và cơ sở hạ tầng viễn thông.

Chương II TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về cơ sở hạ tầng viễn thông, chủ trì phối hợp các Sở, ngành có liên quan, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo đảm an toàn cho công trình viễn thông.

2. Thường xuyên phối hợp với cơ quan Công an, các ngành liên quan và chính quyền địa phương, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về đảm bảo an toàn công trình viễn thông.

3. Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác, sử dụng mạng lưới, thiết bị viễn thông.

4. Trong quá trình phát hiện, xử lý vi phạm nếu cần sự phối hợp của các cơ quan chức năng thì có văn bản đề nghị phối hợp và chủ trì, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp cùng các cơ quan báo chí, truyền thông và đoàn thể tuyên truyền thực hiện tốt quy định này trong nhân dân.

6. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập danh mục công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh Quốc gia.

Điều 7. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp viễn thông rà soát, đánh giá xác định những mục tiêu địa bàn trọng điểm để chỉ đạo xây dựng kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ an toàn công trình viễn thông.

2. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng các phương án bảo vệ, công tác phòng chống cháy, nổ, tuần tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông; phương án phối hợp khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

3. Tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng, tranh tra, kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm cơ sở hạ tầng trong hoạt động viễn thông.

4. Trong trường hợp đặc biệt chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương triển khai lực lượng canh gác bảo vệ các công trình viễn thông quan trọng, mục tiêu quan trọng khác theo quy định của pháp luật.

5. Kịp thời phát hiện ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch có âm mưu, thủ đoạn phá hoại các công trình viễn thông hoặc lợi dụng công trình viễn thông để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước tại địa phương về bảo đảm an toàn cho công trình viễn thông trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành chức năng; các xã, phường, thị trấn và doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tăng cường kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn xử lý nghiêm những hành vi vi phạm xảy ra trên địa bàn.

3. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm đến công trình viễn thông.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo đảm an toàn cho các công trình viễn thông.

Điều 9. Trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông

1. Trực tiếp quản lý, phối hợp với cơ quan chức năng đảm bảo an toàn các công trình viễn thông của đơn vị, xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ, phòng, chống các hành vi xâm hại đến sự an toàn của công trình viễn thông, xử lý khắc phục kịp thời các tình huống xảy ra.

2. Xây dựng hệ thống cảnh báo, chống trộm đảm bảo phát hiện kịp thời khi có sự cố hoặc bị xâm hại đến an toàn công trình viễn thông.

3. Chủ động phối hợp và cung cấp thông tin, số liệu cần thiết cho cơ quan có liên quan khi có yêu cầu (Công an các cấp, Sở Thông tin và Truyền thông...) nhằm phục vụ cho công tác xác minh, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm trộm cắp, phá hoại công trình viễn thông.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước xây dựng quy chế phối hợp, quy trình giải quyết các sự cố, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, số liệu, tang vật cho cơ quan chuyên trách khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần tự giác của người dân trong việc bảo vệ và tố giác tội phạm.

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan, đơn vị quản lý công trình viễn thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện tốt quy định này theo chức năng, nhiệm vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông căn cứ chức năng nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

Điều 12. Định kỳ hàng năm và đột xuất các cơ quan quản lý, đơn vị quản lý các công trình viễn thông thực hiện báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Quy định này, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.